

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.303

Môn thi: Kỹ năng nói **Ca thi:** 13h30 **Ngày thi:** 13/01/2022

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0135	Nguyễn Thị Tú Uyên	05/02/1999				
2	TA0136	Phạm Tú Uyên	15/07/1999				
3	TA0137	Trịnh Thị Thu Uyên	08/11/2000				
4	TA0138	Đinh Doãn Việt	02/01/1999				
5	TA0139	Trần Quốc Việt	24/11/1999				
6	TA0140	Nguyễn Nhất Vương	15/08/1999				
7	TA0141	Phạm Minh Đức	13/11/1999				
8	TA0142	Vũ Văn Nghĩa	06/07/1999				
9	TA0143	Phạm Thanh Tùng	03/06/1999				
10	TA0144	Bùi Công Thành	27/08/1999				
11	TA0145	Lưu Văn Hưởng	04/10/1983				
12	TA0146	Lê Minh Thắng	10/11/1990				
13	TA0147	Thiều Kim Tùng	15/01/1997				
14	TA0148	Uông Mai Duyên	25/04/1993				
15	TA0149	Đinh Bảo Hà	14/06/1981				
16	TA0150	Nguyễn Thị Như	30/10/1994				
17	TA0151	Bùi Tiến Chiến	10/04/1981				
18	TA0152	Phạm Văn Nam	25/12/1996				
19	TA0153	Nguyễn Kim Quế	10/06/1996				
20	TA0154	Nguyễn Văn Tân	25/03/1995				
21	TA0155	Nguyễn Việt Tùng	27/11/1982				
22	TA0156	Nguyễn Việt Phú	20/05/1984				
23	TA0157	Nguyễn Hồng Nguyên	20/01/1982				
24	TA0158	Ngô Duy Hương	02/03/1984				
25	TA0159	Nguyễn Hải Quân	09/05/1998				

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
26	TA0160	Nguyễn Quốc Hùng	29/5/1993				
27	TA0161	Nguyễn Minh Hoàng Việt	14/12/1992				
28	TA0220	Nguyễn Tùng Anh	18/02/1999				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)